

VAI TRÒ CỦA TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CHĂM TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI CHĂM NINH THUẬN - BÌNH THUẬN

VƯƠNG HOÀNG TRÙ^(*)

Tín ngưỡng dân gian Chăm một mặt phản ánh sinh hoạt xã hội của người Chăm, mặt khác nó tác động trở lại đời sống của họ, đóng vai trò cố kết cộng đồng xã hội, tạo cơ sở cho việc hỗn dung các tôn giáo, hình thành và bảo lưu văn hoá truyền thống.

Trong bài viết này, chúng tôi không có ý định trình bày chi tiết những hình thức tín ngưỡng dân gian của người Chăm mà chỉ thông qua các hình thức tín ngưỡng dân gian đó làm rõ vai trò của chúng trong đời sống văn hoá vật chất và tinh thần của người Chăm vùng Ninh Thuận - Bình Thuận.

1. Vai trò của tín ngưỡng dân gian Chăm trong đời sống văn hoá vật chất của người Chăm

Ở người Chăm cũng như nhiều tộc người khác ở Đông Nam Á, tín ngưỡng vật linh (animism) và tín ngưỡng đa thần (polythesim) rất phát triển. Theo Mah Mod, các thần linh “Pô Yang” của người Chăm luôn luôn có quan hệ và chi phối mọi hoạt động của họ. Các vị thần này thường giúp đỡ, che chở cho con người nếu họ biết tôn sùng, thờ cúng. Nhưng nếu con người làm “trái ý” thần, thì lập tức bị trừng phạt⁽¹⁾. Chính vì vậy, người Chăm có rất nhiều kiêng kị để tránh không làm “trái ý” thần linh. Những kiêng kị đó được thể hiện trong mọi mặt đời sống của họ. Mặt khác, để làm vừa lòng thần linh, họ thường làm lễ cúng để dâng lên thần linh những lễ vật, mong thần linh giúp đỡ họ một số công việc trong sản xuất nông nghiệp và một số nghề thủ công như gốm, dệt, v.v..

Những kiêng kị và tập tục trong cư trú

Do ảnh hưởng của tín ngưỡng vật linh và tín ngưỡng đa thần nên người Chăm cho rằng những cây cỏ thụ thường có thần linh, ma quỷ cư ngụ. Chính vì thế, mặc dù người Chăm sống ở một vùng đất nắng nóng hầu như quanh năm, nhưng ở đó trước đây người ta rất ít trồng cây xanh, nhất là những cây có tán lá rộng. Người Chăm khi xưa không giải thích được hiện tượng mỗi khi có người bệnh sắp mất thì *chim hiak* (chim cú mèo) hay *chim un* (chim heo) thường đến đậu trên những tán cây lớn ở gần nhà người bệnh và tiếng kêu của chúng như tín hiệu báo trước cái chết của người đó. Ngoài ra, những cây lớn, nhất là ở những vùng đất trống trải, thường hay bị sét đánh. Vì không hiểu được nguyên nhân nên người Chăm cho rằng đó là do bị thần linh trừng phạt. Cũng có người cho rằng nếu trồng cây cỏ thụ gần nhà, rễ của nó đâm vào nền nhà làm cho gia đình đó làm ăn không được, hay ở những cây xanh lớn, ong hay đến làm tổ và mang đau ốm, bệnh tật đến. Muốn cho ong dời đi chỗ khác phải làm lễ cúng. Chính vì các quan niệm trên nên các *palei* (làng) của người Chăm trước đây rất ít cây xanh. Chỉ có một số loại cây có chất chua như *phun mil* (cây me), *phun hamia* (cây khế)... được trồng, vì những cây này cho quả nấu canh và gỗ me còn dùng làm *sang swor* (nhà hoả táng của

*. NCV, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.
1. Mah Mod. *Bước đầu tìm hiểu về tôn giáo tín ngưỡng của người Chăm ở Việt Nam*. T/c Dân tộc học, số 4/1975, tr. 45.

người Chăm Ấn giáo) và làm củi đốt trong đám thiêu. Những trái cây có chất chua này còn được dùng làm đồ cúng trong *Dok tian* (Lễ cúng lúa chữa) trong lễ cúng ruộng của người Chăm Ấn giáo và Chăm Bani. Ở một số *palei* của người Chăm còn có tục không trồng chuối, xoài, đu đủ trong khuôn viên nhà. Bởi họ quan niệm chuối cũng chữa đẻ như con người, còn xoài, đu đủ thì có trái khiến cho người ta nhòm ngó sinh ra lòng tham. Ngày nay ở các *palei* Chăm, cây xanh đã nhiều hơn, nhưng chủ yếu vẫn là các loại cây như me, dứa... là những thứ cây mà trước hết có liên quan đến tín ngưỡng của họ.

Người Chăm trước đây quan niệm hướng bắc là hướng của ma quỷ, hướng đông là hướng của thần thánh, hướng nam và hướng tây là hướng của con người. Chính vì thế khi xây dựng nhà, người ta luôn đặt cửa ra vào của các ngôi nhà quay về hướng nam và tây. Theo chúng tôi, việc chọn hướng nhà như trên có lẽ là do ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Mặt Trời, cùng với kinh nghiệm của người Chăm khi xưa nhằm thích ứng với môi trường sống chung quanh. Các công trình kiến trúc tôn giáo chính của người Chăm như các đền, tháp.. cửa chính hầu hết đều quay về hướng đông. Vì quan niệm hướng đông là hướng của thần linh nên người Chăm không dám làm cửa nhà ở theo hướng đó vì sợ xúc phạm đến thần linh. Ở Champa xưa và ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay, nhất là ở khu vực phía nam, tuy ảnh hưởng của gió mùa đông bắc không nhiều, nhưng vào tháng 11, 12 dương lịch, cùng với gió mùa đông bắc thường có những cơn bão lớn đổ vào gây tai họa cho cư dân trong vùng. Sau mưa bão, những đợt gió mùa đông bắc lại mang cái khô và lạnh từ phía bắc vào và kéo dài từ tháng 1 đến tháng 4 dương lịch. Do sự thay đổi thời tiết làm phát sinh dịch bệnh và ngừng trệ sản xuất nông nghiệp (vì thiếu nước), nhưng do không hiểu được điều đó, nên người Chăm

quy cho hướng bắc là hướng của ma quỷ. Ngay việc bố trí cổng chính ra vào các *lapaga* (khuôn rào) của người Chăm cũng theo quan niệm trên. Chính vì thế cách bố trí nhà cửa, cổng ngõ ở các *palei* của người Chăm cũng có đặc trưng riêng và có sự khác biệt với các tộc người khác trong vùng. Trên trục đường chính, thường theo hướng đông - tây, khuôn viên của các gia đình người Chăm ở phía bắc con đường thì mở cổng chính về hướng nam quay ra mặt đường, còn khuôn viên của các gia đình ở phía nam con đường thì không mở cổng chính ra mặt đường lớn để tránh phía bắc mà mở ra phía đường nhánh ở phía nam khuôn viên.

Người Chăm trước đây có tục kiêng không dám làm nhà lớn và lợp ngói, bởi họ cho rằng làm nhà lớn hơn các lăng tháp là xúc phạm đến thần linh. Những ai làm nhà lớn thì sau này thường bị lụi bại. Quan niệm này ở người Chăm hiện nay không còn nữa. Trong vùng người Chăm đã có rất nhiều gia đình xây dựng nhà ngói, thậm chí nhà lầu rất khang trang.

Những kiêng kị và tập tục trong ăn uống

Mỗi cộng đồng người Chăm Ấn giáo hoặc Chăm Bani đều có tục kiêng ăn thịt một loại con vật. Người Chăm Ấn giáo kiêng ăn thịt bò, người Chăm Bani kiêng ăn thịt heo, thịt giông. Người Chăm Ấn giáo kiêng ăn thịt bò theo tục thờ bò thần Nandi, con bò tót của thần Shiva. Khi Ấn giáo vào người Chăm, bò thần Nandi đã được cải biến thành *Limauw Kapil* (bò đen). Người Chăm Ấn giáo cũng thờ bò, nhưng là con bò *Kapil* và còn gán cho con bò thần linh này nhiệm vụ đưa người chết qua sông để về thế giới bên kia. Người Chăm Bani kiêng ăn thịt heo theo tập tục của Islam giáo. Nhưng khi tập tục này vào người Chăm Bani lại được giải thích theo một cách khác. Người Chăm Bani cho rằng *un* (heo) và *ajah* (giông) là những con vật đã giúp Giáo chủ

Mohammed thoát hiểm trong một trận chiến⁽²⁾. Có một điều đáng chú ý là mặc dù người Chăm Ấn giáo không phải kiêng thịt heo, thịt giông; người Chăm Bani không phải kiêng thịt bò, nhưng có lẽ do hai cộng đồng này đều có chung một nền tảng trong đời sống tâm linh là tín ngưỡng dân gian; mặt khác trong các nghi lễ, nhất là các nghi lễ cộng đồng có sự hiện diện của các tu sĩ thuộc hai tôn giáo Ấn giáo và Islam giáo cùng những thầy lễ của tín ngưỡng dân gian, nên các lễ vật để hiến tế hầu như vắng bóng các con vật trên. Các con vật được hiến tế và các đồ cúng thường là dê, gà, trâu, thỏ, cá... Và đây cũng là những con vật thường được sử dụng chủ yếu để cung cấp đạm cho bữa ăn hằng ngày của họ. Chính vì thế trước đây heo và bò ít được nuôi, còn dê, gà, trâu, thỏ, cá lại được nuôi nhiều trong vùng của người Chăm. Đặc biệt ở thôn Bình Nghĩa, xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, người Chăm Ấn giáo có tục kiêng ăn thịt heo, thịt bò và cả thịt giông. Có tác giả đặt vấn đề phải chăng do vào cuối thế kỉ XIV “đã có một bộ phận đáng kể” người Chăm theo Islam giáo hoặc đạo này “đã có ảnh hưởng lớn trong xã hội” nên Chế Bồng Nga (vua Chăm-pa vào cuối thế kỉ XIV - cũng được cho là *Pô Bin Thuôn* - người có lăng thờ ở huyện Ninh Hải, do làng Bình Nghĩa trực tiếp phụng thờ) đã có chính sách “đoàn kết tôn giáo” và đặt Islam giáo ngang hàng với Ấn giáo. Cũng theo tác giả trên, việc kiêng kị như vậy dựa vào truyền thuyết cho rằng Chế Bồng Nga có ba vợ, một vợ theo Ấn giáo, một vợ theo Islam giáo, một vợ là người Việt. Vì vậy để tôn trọng phong tục tôn giáo của các bà vợ nên “nhà vua đã cho tôn trọng phong tục cả hai đạo”⁽³⁾. Chúng tôi thấy những nhận định trên có cơ sở thuyết phục. Thêm vào đó, theo chúng tôi, chính tín ngưỡng dân gian Chăm đã ăn sâu vào đời sống tâm linh của cư dân Chăm, khiến các tôn giáo ngoại sinh

khí du nhập vào đây (đặc biệt là Islam giáo và cả Ấn giáo) đã phải cải biến theo cái nền chung của tín ngưỡng dân gian là đa thần và vật linh giáo. Cũng chính vì thế mà hai cộng đồng cư dân Chăm theo hai tôn giáo khác nhau lại xích gần lại với nhau ở một mức độ nào đó và tôn trọng những phong tục, kiêng kị của nhau. Hơn nữa, hai cộng đồng cư dân này, đặc biệt là các tu sĩ thường xuyên cùng nhau tham gia vào việc tổ chức một số lễ hiến tế, đặc biệt là những lễ nông nghiệp mang tính cộng đồng, nên các lễ vật được dùng trong các buổi lễ không thể là các con vật mà hai tôn giáo này phải kiêng kị. Vì lẽ đó, trâu, dê, gà, cá... là các lễ vật được sử dụng nhiều nhất trong các nghi lễ của hai cộng đồng Chăm Ấn giáo và Chăm Bani.

2. Vai trò của tín ngưỡng dân gian Chăm trong đời sống văn hoá tinh thần của người Chăm

Cũng như trong đời sống văn hoá vật chất của người Chăm, tín ngưỡng dân gian Chăm có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống văn hoá tinh thần của họ. Theo chúng tôi, vai trò của tín ngưỡng dân gian Chăm thể hiện trong lĩnh vực đời sống văn hoá tinh thần của người Chăm trước hết qua quan niệm của họ về *padah tok* (âm dương), và thông qua quan niệm này được phản ánh trong một số nghi lễ và lễ hội của họ.

Quan niệm về *Padah tok* (âm dương) của người Chăm:

Ở những cư dân nông nghiệp vùng Đông Nam Á, trong đó có người Chăm, tín ngưỡng phồn thực rất phát triển. Những cư dân này, qua việc tiếp xúc hàng ngày với thế giới xung quanh, nhận thấy sự tiếp xúc

2. Bó Thuận, Nguyễn Khắc Ngữ. *Tại sao người Chăm Bani kiêng thịt heo và thịt nhông*. Văn hoá nguyệt san số 53. Sài Gòn, 1960, tr. 987 - 990.

3. Phan Văn Dớp. *Tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam*. Luận án PTS khoa học lịch sử. Viện KHXH tại Tp. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 102 - 103.

và kết hợp giữa những sự vật, hiện tượng mang tính chất đối lập như đực - cái, trời - đất, nắng - mưa, nóng - lạnh... có ảnh hưởng rất lớn đến sự sản xuất ra của cải vật chất cho con người (mà ở họ chủ yếu là sản xuất nông nghiệp) và ngay chính sự tái sản xuất ra con người (sự sinh đẻ và phát triển nòi giống). Nhưng do nhận thức còn hạn chế, không giải thích được mối quan hệ giữa các cặp sự vật, hiện tượng đó, người ta cho rằng có một lực lượng siêu nhiên vô hình đã chi phối những mối quan hệ đó. Để giúp cho mùa màng tốt tươi, vật nuôi và cả chính bản thân con người được sinh sôi, nảy nở và phát triển, con người tác động vào thế giới siêu nhiên đó bằng cách dùng những hành động có tính chất ma thuật để kích thích sự sinh sản và phát triển, hoặc cầu mong sự giúp đỡ của thần linh qua những lời cầu xin và những lễ hiến tế. Tín ngưỡng phồn thực ra đời qua nhận thức và những hành động như vậy. Khi nhận thức của con người phát triển đến một trình độ nhất định, nhất là khi một số tôn giáo ở phương Đông mới ra đời tiếp thu và chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng phồn thực đã hình thành nên những triết lý trong nhận thức về vũ trụ và thế giới chung quanh. Theo Trần Ngọc Thêm: “triết lý âm dương và triết lý phồn thực chỉ là hai mặt của vấn đề” trong “tư duy của cư dân nông nghiệp Nam Á”⁽⁴⁾. Triết lý ấy trong tư duy của người Trung Quốc thời cổ là triết lý về *Yin - Yang* (âm dương). Theo F.Capra: “Cặp âm dương là bố đực soi đường xuyên suốt nền văn minh Trung Quốc”⁽⁵⁾. Trong triết lý của người Ấn Độ thời cổ, được thể hiện trong triết lý của các tôn giáo như Ấn giáo, Phật giáo, dù không gọi là *Yin - Yang* (âm dương) nhưng cũng có những cặp phạm trù mang tính đối lập giữa hai nguyên lý nam và nữ. Trong Shiva giáo, đó là sự kết hợp giữa thần Shiva và vợ của thần là Shakti (với các tên gọi khác như Pârvati, Kali, Durgâ) và thường được biểu hiện bằng *linga* và *yonis*, hoặc có khi chính bản thân thần Shiva cũng

được thể hiện dưới hình tượng vừa là nam vừa là nữ. Đạo Shakti (hay còn gọi là đạo Tantra, Mật giáo) dựa trên những *tantra* là những kinh điển tập hợp những ý tưởng và thực hành tôn giáo. Những kinh điển này tập trung vào “mối quan hệ bất khả phân giữa Shiva và Shakti, giữa âm và dương, giữa thần linh và con người, giữa đại vũ trụ và tiểu vũ trụ”⁽⁶⁾. Và “mọi cái tượng trưng cho Shakti đều lấy cảm hứng từ tình dục (*Yoni, Linga*)”, nhưng một số hình thức của đạo này, “những từ ngữ mượn từ lĩnh vực tình dục” chỉ biểu hiện “cho sự tiến hoá bên trong của các quá trình thiền định” và sự kết hợp tính dục đực cái “không còn được thực hiện về mặt thể chất nữa, mà được thực hiện về mặt tâm linh”⁽⁷⁾. Nhánh Vajrayâna (Kim Cương Thừa) của Phật giáo Đại Thừa cũng đề cập đến sự thống nhất giữa nguyên lý nam (*upâya*) và nguyên lý nữ (*prajnâ*) để đạt tới Đại giác (*Bodhi*)⁽⁸⁾.

Trên cơ sở của tín ngưỡng phồn thực và tín ngưỡng đa thần, tín ngưỡng vật linh, người Chăm đã lựa chọn những nét tương đồng trong các tôn giáo như Ấn giáo (đạo Shiva, đạo Shakti) và Phật giáo (Kim Cương Thừa trong Phật giáo Đại Thừa và có thể cả Phật giáo Tây Tạng) để thực hành các nghi lễ cúng tế trong tôn giáo và cả trong tín ngưỡng dân gian của họ. Từ nhận thức về sự kết hợp giữa các mặt đối lập trong triết lý của các tôn giáo được du nhập vào người Chăm, kết hợp với nhận thức của cha ông

4. Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội 1998, tr. 127.

5. F.Capra. *Đạo của vật lý - một khám phá mới về sự tương đối giữa vật lý hiện đại và đạo học phương Đông*. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh 1999, tr. 132.

6. T.M. Ludwig. *Những con đường tâm linh phương Đông*. Phần I: *Các tôn giáo khởi nguyên từ Ấn Độ*. Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2000, tr. 149.

7. *Phật giáo - Ấn Độ giáo - Đạo giáo - Thiên - Từ điển minh triết phương Đông*. Nxb. KHXH, Hà Nội 1997, tr. 623.

8. *Phật giáo - Ấn Độ giáo*. Sđd, tr. 205, 790.

họ về tín ngưỡng phồn thực, đã hình thành nên ở người Chăm Ấn giáo và Chăm Bani hiện nay triết lí về *padah tok* (âm dương). Quan niệm về sự lưỡng phân, lưỡng hợp trong tín ngưỡng phồn thực của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á thời cổ, cùng với quan niệm về sự thống nhất, sự kết hợp giữa hai nguyên lí âm dương đã có ảnh hưởng rất lớn trong tư duy của người Chăm và chi phối nhiều mặt đời sống văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần và văn hoá xã hội của họ.

Quan niệm về lưỡng phân, lưỡng hợp trên cơ sở các cặp đối lập được thể hiện trong cấu trúc xã hội của người Chăm xưa qua *Kramaka vams'a* (thị tộc Cau) và *Narikela* (thị tộc Dừa). Cau là loại cây ưa sống ở vùng đất cao, thị tộc Cau lại chiếm ưu thế ở phía Nam (xứ Panduranga) nên được coi là dương, còn Dừa là loại cây ưa sống ở vùng đất thấp ven biển, thị tộc Dừa lại làm bá chủ phía Bắc của vương quốc, nên được coi là âm. Ngày nay kí ức về hai thị tộc Cau và Dừa còn để lại dấu vết rất mờ nhạt ở người Chăm, nhưng thay vào đó là quan niệm của người Chăm về lưỡng phân, lưỡng hợp thể hiện rất rõ trong cấu trúc về các dòng họ. Ở người Chăm hiện nay tồn tại ba loại *gop* (dòng họ theo mẫu hệ). Có dòng thờ *atow Chok* (thờ hồn thiêng của núi), có dòng họ thờ *atow Tathik* (thờ hồn thiêng của biển) và cũng có dòng họ thờ cả *atow Chok* lẫn *atow Tathik*. Như vậy hai dòng họ *atow Chok* và *atow Tathik* tạo thành một cặp đối lập theo quan niệm lưỡng phân, lưỡng hợp. Còn ở dòng họ thứ ba thể hiện sự lưỡng phân, lưỡng hợp ngay chính trong một dòng họ.

Tính chất lưỡng phân, lưỡng hợp trong quan hệ âm dương còn được thể hiện qua việc các thần linh của tín ngưỡng dân gian Chăm thường được thờ cúng bằng những cặp đôi. Vị nữ thần được người Chăm trọng vọng nhất là *Pô Inur Nugar* - Nữ Thần Mẹ xứ sở - có chồng là *Pô Yang Amur* - Thần

Cha; *Pô Yang* - In có vợ là *Pô Bia Muthik*; *Pô Pataw Bil Thuôr* có vợ là *Pô Bilt hop*; có *Pô Dâm* (Thần Thanh niên) thì cũng có *Pô Yang Dara* (Thần Thanh nữ - là một trong những người con của *Pô Inur Nugar*). Trong một số làng, tháp của người Chăm, một số vị thần (vốn là những ông vua có thật trong lịch sử của người Chăm) cũng được thờ chung với vợ của họ. Trong tháp *Pô Rôme* thì *Pô Rôme* được thờ chung với *Bia Than Chan* (là bà vợ người Ê Đê, được cho là đã lên giàn lửa để hoả thiêu sau khi *Pô Rôme* chết, theo đúng tục lệ Ấn giáo). Ở Bình Thuận, tại các làng *Pô Klaung Monai*, *Pô Klaung Gahuh*, *Pô Nit...* các vua Chăm đã được thần hoá đều được thờ chung với các hoàng hậu⁹⁾. Ngay trong việc thờ cúng của các dòng họ, thì vong linh của các thành viên trong dòng họ đã chết khi còn trẻ [ở người Chăm Ấn giáo thì những người này không được thiêu, còn đối với Chăm Bani thì những người này chưa làm lễ *karoh* (đối với nữ), *katot* (đối với nam) để vào đạo] cũng được coi là *patri* (cô - người chết thuộc nữ giới) và *patra* (cậu - người chết thuộc nam giới).

Các nghi lễ cộng đồng cũng như các lễ *rija* của gia đình, dòng họ của người Chăm cũng được quan niệm theo triết lí âm dương. Các nghi lễ này cũng mang tính chất lưỡng phân, lưỡng hợp theo cặp đôi như: *Ban Katé* (Lễ cúng Ông) - *Bon Chabur* (Lễ cúng Bà); *Pakak halow kraung* (Lễ chặn đầu nguồn - hay lễ tạ Mộc - thuộc về dương) - *Palau pa Sah* (Lễ cầu mưa - tiến hành ở cửa sông, còn gọi là lễ tạ Thủy - thuộc về âm); *Ywor yang* (Lễ cầu đảo để cầu mưa - tổ chức ở các đền tháp - còn gọi là lễ tạ Hoả - thuộc về dương) - *Palau pa Sah* (cũng được gọi là lễ cầu đảo để cầu mưa - thuộc về âm như đã nói trên); *rija harei* (Lễ múa của gia đình hay của dòng họ được tổ chức vào ban ngày - thuộc về dương) - *rija dayop* (lễ múa của gia đình

9. Phan Văn Dớp. Luận án PTS đã dẫn, tr. 69.

hay dòng họ được tổ chức vào ban đêm - thuộc về âm)...

Các thầy lễ trong tín ngưỡng dân gian người Chăm cũng thường đi theo cặp đôi để thực hành các nghi lễ. Và các cặp đôi này cũng thể hiện tính chất lưỡng phân, lưỡng hợp trong quan niệm về âm dương. Đó là các cặp thầy, bà phụ trách các nghi lễ của các tín ngưỡng dân gian như: *ôn kadhar - muk pajow*; *ôn mutdwon - muk rija*; *ôn riya hamu - muk đwalăk*; *ôn kadhar - muk rija*; *ôn mutdwon - muk kaing* (hoặc *ôn kaing*). Thậm chí người Chăm ngày nay còn có quan niệm Ấn giáo (còn gọi là Aiher) thuộc về dương, còn Bani (còn gọi là Awar) thuộc về âm. Chính vì thế nên các *achar* (thầy chang - tu sĩ đạo Bani) mặc áo *loak* và đội khăn *jrăm* giống y phục của phụ nữ Chăm. Và trong một số lễ có sự tham dự của các tu sĩ thuộc hai tôn giáo thì các tu sĩ Ấn giáo vẫn mặc *aw ywor* (áo trắng thuộc về dương) còn các tu sĩ Bani lại mặc áo *aw klăm* (áo màu - thường là màu đen - thuộc về âm).

Quan niệm âm dương của người Chăm còn được thể hiện qua lễ vật trong các ngày lễ. Bánh *sakaya* làm bằng trứng gà và đường chưng cách thủy tượng trưng cho mặt trời nên thuộc về dương còn bánh *pay nung* tượng trưng cho mặt đất nên thuộc về âm. Hai loại bánh này thường được dùng trong lễ cầu hôn hoặc các dịp lễ “giỗ kị tổ tiên” của người Chăm Ấn giáo và Chăm Bani⁽¹⁰⁾. Trong các lễ hiến tế của người Chăm, *mutmuk* (gà) và *pabaiy* (dê) là hai con vật thường được sử dụng làm vật hiến tế. Trong hai con vật này thì dê được coi là lễ vật thuộc về dương, còn gà thuộc về âm.

Cách tính ngày, tháng, tuần và thời gian trong ngày của người Chăm cũng được quan niệm theo triết lí âm dương. Lịch của người Chăm cũng giống như âm lịch của người Việt đều dựa vào chu kì vận động của Mặt Trăng. Nhưng khác với âm lịch của người

Việt, một tháng của người Chăm được chia làm hai kì. Kì đầu là kì ngày dương, là những ngày thuộc thượng tuần trăng, từ *harei sa* (ngày mồng một) đến *harei porami* (ngày rằm). Kì sau là kì âm, là những ngày thuộc hạ tuần trăng, từ *harei pluh nom* (ngày mười sáu) đến cuối tháng. Trong tháng, người Chăm cho những ngày lễ thuộc về dương, ngày chẵn thuộc về âm. Trong một tuần cũng vậy, thứ hai, thứ tư, thứ sáu thuộc về âm, còn lại thuộc về dương. Trong một ngày họ cũng chia làm hai khoảng thời gian theo quan niệm âm dương dựa vào sự vận động của Mặt Trời. Ban ngày thuộc về dương, nhưng lại được tính từ lúc quá nửa đêm cho đến 12 giờ trưa. Ban đêm thuộc về âm nhưng lại được tính từ lúc mặt trời bắt đầu đi xuống vào buổi trưa đến 12 giờ đêm.

Là cư dân nông nghiệp nên tư duy của người Chăm dù thiên về âm tính nhưng vẫn tuân theo hai quy luật cơ bản của triết lí âm dương. Theo Trần Ngọc Thêm: “Không có gì hoàn toàn âm hoặc hoàn toàn dương, trong âm có dương và trong dương có âm” (quy luật về thành tố) và “âm dương luôn gắn bó mật thiết với nhau và chuyển hoá cho nhau âm cực sinh dương, dương cực sinh âm” (quy luật về quan hệ)⁽¹¹⁾. Chính vì thế, mặc dù chịu ảnh hưởng của Ấn giáo (là một tôn giáo đa thần nhưng có xu hướng đi đến độc thần), và sau này là đạo Islam (tôn giáo độc thần) nhưng tín ngưỡng đa thần vẫn thể hiện rõ trong đời sống tâm linh của người Chăm. Và trong đời sống tâm linh mang tính đa thần đó vẫn bị những quy luật cơ bản của triết lí âm dương chi phối. Nhưng trong mối quan hệ giữa nam thần và nữ thần, giữa yếu tố dương với yếu tố âm thì yếu tố âm bao giờ cũng nổi bật và được coi trọng hơn. Thí dụ, trong hàng ngũ các thần

10. Trung tâm nghiên cứu văn hoá Chăm Ninh Thuận. *Truyện cổ dân gian Chăm*. Nxb. Văn hoá dân tộc. Hà Nội 2000, tr. 192, 193.

11. Trần Ngọc Thêm. *Sđđ*, tr. 54, 55.

linh của tín ngưỡng dân gian Chăm thì Pô Inur Nugar vẫn được người Chăm trọng vọng nhất. Ngay trong mối quan hệ giữa nữ thần này với những người chồng của nữ thần, nổi bật nhất là *Pô Yang Amur* (Thần Cha) thì *Pô Inur Nugar* vẫn chiếm ưu thế, trong khi *Pô Yang Amur* chỉ giữ vai trò phụ và mờ nhạt trong đời sống tâm linh của người Chăm. Hoặc trong các lễ hội cộng đồng chính của người Chăm kể cả lễ *Rija praung* (lễ múa lớn), mà tiêu biểu là *Rija Nugar* (lễ tống ôn đầu năm) cũng cho thấy mối quan hệ giữa hai yếu tố âm và dương (trong dương có âm và trong âm có dương, hai yếu tố này quan hệ mật thiết với nhau) nhưng yếu tố âm vẫn được coi trọng hơn. Người Chăm có câu “*munuk, pabaiy*”... (gà, dê) để nói về các vật hiến tế trong các nghi lễ lớn của họ với hàm ý rằng: ngày đầu thì lễ vật là gà, ngày sau thì lễ vật là dê. Trong *Rija Nugar* của người Chăm Ấn giáo, ngày đầu tiên tổ chức lễ, tức ngày *Lharei tamur* (ngày vào) phải là ngày thứ năm trong tuần (là số lẻ nên mang yếu tố dương), nhưng lại được tổ chức vào buổi chiều cho đến đêm (mang yếu tố âm) và vật hiến tế là *munuk* (gà mang yếu tố âm). Ngày hôm sau, tức ngày *harei tabiak* (ngày ra) là ngày thứ sáu (là số chẵn nên mang yếu tố âm), nhưng được tổ chức từ buổi sáng đến 12 giờ trưa là kết thúc (mang yếu tố dương) với vật hiến tế là *pabaiy* (dê - mang yếu tố dương). Trong cách chọn ngày cho các lễ của người Chăm thì người Chăm cho rằng ngày ra (tức ngày kết thúc lễ) là quan trọng và bao giờ ngày ra cũng là ngày chẵn (mang yếu tố âm).

Vai trò của tín ngưỡng dân gian Chăm trong việc bảo lưu văn hoá truyền thống

Phan Hữu Dật trong bài *Trở lại vấn đề tín ngưỡng dân gian* đã nhận định: “tín ngưỡng dân gian như một bộ phận của văn hoá dân gian” và qua tín ngưỡng dân gian “người ta nhận diện bản sắc văn hoá dân tộc”⁽¹²⁾. Ở người Chăm Ấn giáo và Chăm

Bani tại Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay, tín ngưỡng dân gian vừa có vai trò như những yếu tố cấu thành của văn hoá dân gian, vừa có vai trò bảo lưu những giá trị của văn hoá dân gian truyền thống Chăm.

Cũng như nhiều tộc người trên thế giới, *damnuty* (thần thoại) là loại hình ra đời sớm nhất trong văn học dân gian Chăm. *Damnuty* của người Chăm là những truyện kể dân gian về sự tích các vị thần được coi là những nhân vật sáng tạo ra văn hoá Chăm. Những *damnuty* này phản ánh quan niệm của tổ tiên người Chăm về nguồn gốc vũ trụ và nguồn gốc con người. Trong các *damnuty* của người Chăm, Pô Inur Nugar luôn là vị nữ thần sáng tạo ra vũ trụ (trong *Damnuty Padaung Tanuth Riya*), hay là một anh hùng sáng tạo nên văn hoá Chăm (những truyền thuyết về Pô Inur Nugar dạy dân Chăm trồng lúa, dệt vải...). Sau những *damnuty* về Pô Inur Nugar là những *damnuty* về những vị thần vốn là những nhân vật lịch sử của người Chăm như Pô Klaung Giray, Pô Rôme, Pô Bin Thuor... Đây là những vị vua có thực trong lịch sử Chăm-pa và được người Chăm tôn xưng là những anh hùng văn hoá của tộc người Chăm. Sau khi chết, các vị vua này đã được thần hoá thành những nhân thần của họ. Ngoài những *damnuty* nói trên, ở người Chăm còn có một kho tàng văn hoá dân gian rất lớn, đó là các *dauh kadhar*, *dauh mudwon* - các bài hát cúng hay các “bài hát lịch sử” như cách gọi của Inrasara⁽¹³⁾, hoặc “các bài tụng ca” theo cách gọi của Ngô Văn Doanh⁽¹⁴⁾- được *ôn kadhar* hay *ôn mudwon* xướng lên trong các lễ của người Chăm. Các bài hát cúng này đều là những truyền thuyết hay giai thoại về các vị thần

12. Phan Hữu Dật. *Một số vấn đề về dân tộc học ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc Gia, Hà Nội 1998, tr. 328.

13. Inrasara. *Văn học Chăm*. Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội 1994, tr. 92.

14. Ngô Văn Doanh. *Lễ hội Rija Nugar của người Chăm*. Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội 1998, tr. 220.

trong tín ngưỡng dân gian Chăm, từ những nhân vật huyền thoại như Pô Inur Nugar đến các Pô (vua), Bia (hoàng hậu), Chei (tướng lĩnh)... vốn là những nhân vật có thật trong lịch sử của người Chăm, được sáng tác thành ca khúc. Ngoài ra, các vị thần làng, các atow (hồn thiêng) của các dòng họ... cũng có các bài hát cúng và được *ôn mudwon* hát trong các lễ *rija* của gia đình và dòng họ. Vì thế các bài hát cúng này ở người Chăm rất phong phú về số lượng và chúng góp phần giúp người Chăm “hiểu được lịch sử, giai thoại về các Pô, Bia, Chei của mình”, cũng như khiến họ “cảm thấy các thần gần gũi” với họ bởi “các thần thực ra chỉ là những con người như họ, nhưng có nhân cách lớn hơn, có sự nghiệp lớn hơn, được họ thánh hoá để trở lại bảo vệ cho cuộc sống tâm linh của chính họ”⁽¹⁵⁾.

Sau các *damnuty*, *dauh kadhar*, *dauh mudwon* là các *dalikal* (truyện cổ tích hay truyện cổ dân gian) của người Chăm. Truyện cổ dân gian của người Chăm rất phong phú, phản ánh mọi mặt đời sống của họ từ những sự vật trong thiên nhiên đến các sinh hoạt xã hội như: phong tục tập quán, các lễ nghi, các mối quan hệ xã hội... Trong kho tàng truyện cổ dân gian của người Chăm, tín ngưỡng dân gian là một đề tài được phản ánh khá nhiều trong thể loại văn học này. Đó là sự tích các thần linh và các nghi lễ cúng tế cho các thần như Pô Bhum (Thần Thổ địa), Atow Chok (Thần Núi), Atow Tathik (Thần Biển), Yang Bimong Yang Kalan (Thần Tháp), Pô Nai, Pô Riyak (Thần Sóng), v.v... Những phong tục tập quán, những kiêng kị có liên quan đến tín ngưỡng dân gian như tục kiêng ăn thịt bò của người Chăm Ấn giáo (“Sự tích bò thần Kapi”), tục kiêng uống rượu của tín đồ Bani (“Sự tích gà gáy sáng”), tục thắp đèn cây khi cúng tế và việc không dùng vịt mà lại dùng gà làm vật hiến tế trong các nghi lễ của người Chăm... (“Sự tích gà gáy sáng”)

cũng hiện diện rất nhiều trong truyện cổ dân gian Chăm.

Một trong những loại hình văn hoá dân gian gắn bó mật thiết với tín ngưỡng dân gian đó là lễ hội.

Theo Trần Bình Minh: “Lễ hội là một thể thống nhất, không thể chia tách. Lễ là phần mang đậm nét tín ngưỡng, phần của thế giới tâm linh sâu lắng nhất của con người, là phần đạo. Còn hội là phần tập hợp vui chơi giải trí, là đời sống văn hoá thường ngày, phần đời của mỗi con người, mỗi cộng đồng”⁽¹⁶⁾.

Các lễ hội lớn của người Chăm gồm có *Rija Nugar* (Lễ tống ôn đầu năm), *Bong Katê* (lễ cúng Ông), *Bong Chabur* (lễ cúng Bà). *Rija Nugar* là lễ hội đầu năm lớn nhất của cả người Chăm Ấn giáo lẫn Chăm Bani. *Bong Katê* và *Bong Chabur* được cho là lễ hội của người Chăm Ấn giáo, nhưng trên thực tế cũng có khá đông người Chăm Bani tham gia lễ hội này.

Ngoài các lễ hội lớn nói trên, trong các lễ cúng cộng đồng của các làng hay của khu vực ngoài, những thầy lễ của tín ngưỡng dân gian còn thu hút một bộ phận khá đông cư dân của *palei* (làng) hoặc các thành viên của *gop* (dòng họ) tham dự. Đó là các lễ như: *Poh pau bong yang* (Lễ khai mương đắp đập hay lễ mở cửa tháp), *Palau pa Sah* (lễ cầu đảo thuộc về Thủy), *Ywor yang* (lễ cầu đảo thuộc về Hỏa), *Pakak hallow kraung* (lễ chặn đầu nguồn), *Ngap kabaw chok yang pataw* (lễ chém trâu cúng thần chần)... hay các lễ của gia đình, dòng họ như *Rija harei* (lễ múa ban ngày), *Rija dayop* (lễ múa ban đêm), *Rija praung* (lễ múa lớn của dòng họ), *Kabaw muith* (lễ chém trâu đen), v.v...

15. Inrasara. Sđd, tr. 107.

16. Trần Bình Minh. *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á*. Viện Văn hoá và Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2000, tr. 123.

Trong các dịp lễ hội lớn và các lễ cúng cộng đồng, ca múa nhạc dân gian của người Chăm có mảnh đất màu mỡ để tồn tại và phát triển. Các loại nhạc cụ truyền thống của người Chăm cũng rất phong phú: kèn *saranai*, *rakle* (kèn bầu), *vau* (sáo), *săng* (tù và bằng ốc biển), đàn *kanhi* (giống đàn nhị của người Việt nhưng có bầu đàn làm bằng mai rùa), đàn *rabăp* (đàn nhị), *champi* (đàn tranh), *kaping*, (đàn bầu). Nhưng có lẽ phong phú nhất là các loại trống như: *hagar praung* (trống lớn), *hagar sit* (trống nhỏ), *ginăng* (một loại trống đôi, bịt hai mặt, một mặt bằng da nai, mặt kia bằng da trâu), *baranung* (trống một mặt, bịt bằng da nai). Ngoài ra còn có loại *ching* (chiêng), *sar* (cồng), *grong* (lục lạc). Các loại nhạc cụ này, một số đã thất truyền như *rakle*, *rabăp*, *champi*, *kaping*, những loại còn lại hiện nay hầu hết chỉ được sử dụng trong các dịp lễ lạt, cúng tế của người Chăm. Thí dụ, trống *ginăng*, có 75 bài trống thì chỉ có 6 bài được sử dụng trong sinh hoạt vui chơi giải trí, còn lại 69 bài sử dụng trong các lễ hội hay các nghi lễ cúng tế⁽¹⁷⁾. Chính vì thế có thể nói tín ngưỡng dân gian của người Chăm đã góp phần rất lớn trong việc bảo lưu những nhạc cụ dân gian truyền thống của người Chăm.

Múa là một loại hình văn hoá dân gian rất phổ biến của người Chăm. Nhưng cũng như âm nhạc, múa của người Chăm chủ yếu là để mời các thần linh trong các lễ cúng tế, đặc biệt trong các lễ *rija* (lễ múa). Ngay tên gọi *rija* (lễ múa) đã cho thấy mức độ phổ biến của các điệu múa lễ và mục đích của chúng. Các điệu múa lễ chủ yếu được sử dụng trong các lễ *rija* của gia đình và dòng họ. Trong các lễ *rija*, mỗi khi mời đến một vị thần hoặc *atow* (hồn thiêng) của ông bà đã khuất thì *ôn mudwon* hoặc *muk rija* của dòng họ đều múa một điệu múa để phục vụ

thần. Như trong *Rija praung* của *atow Chok* (dòng Núi) có đến 27 thần linh, *atow* được mời với những điệu múa khác nhau trong đó có một số điệu múa như *tanran*, *ligâm*, *chah ya*, *biyên*, *parta mutta*, *patra*, *chraung*, *kamăng*, *murai*... Riêng *Rija praung* của *atow Tathik* (dòng Biển) ngoài các điệu múa lễ giống của *atow Chok* còn có thêm một số điệu múa khác như *chàli*, *chàwot*, *chăsên*, *chàtai*... Ngoài *ôn mudwon*, *muk rija*, một số thành viên của dòng họ (chủ yếu là phụ nữ) cũng tham gia múa để mừng thần linh, ông bà đã khuất về hưởng lễ. Trong các lễ cộng đồng do làng hoặc khu vực tổ chức như *Rija Nugar*, *Bong Katé*, *Bong Chabur*, *Palau pa Sah*... cũng có một số điệu múa lễ mời thần do *ôn kaing*, *muk pajow*, *yuk kayou* thực hiện, trong đó có những điệu múa đặc biệt như *tamia jwak apwei* (múa đập lửa), *tamia yuk* (múa lác), *tamia padah tok* (múa âm dương), *tamia jatik* (múa sinh tồn hay múa vấy). Ngoài các điệu múa lễ ra người Chăm còn có một số điệu múa dân gian với mục đích thuần túy để giải trí như *tamia đwa buk* (múa đội nước), *tamia tadik* (múa quạt), *ben bwai* (múa xoè)... Nhưng ngay những điệu múa này cũng chủ yếu được biểu diễn trong các dịp lễ hội của họ.

Qua những điều đã trình bày ở trên cho thấy tín ngưỡng dân gian Chăm đã có vai trò rất to lớn trong việc hình thành và bảo lưu các loại hình văn hoá dân gian ở người Chăm. Ngoài ra, tín ngưỡng dân gian Chăm còn có một vai trò quan trọng khác là cố kết cộng đồng người Chăm mà chúng tôi chưa đề cập tới trong khuôn khổ bài viết này./.

17. Hải Liên. *Vai trò âm nhạc trong lễ hội dân gian Chăm Ninh Thuận*. Viện Âm nhạc, Nxb. Âm nhạc, Hà Nội 1999, tr. 34.